TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2017/HNGĐ - ST Ngày 31-8-2017 V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Việt Thương;

2. Ông Lê Đường;

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Cao Trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An:*** Không tham gia.

Ngày 31/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1979.

Địa chỉ cư trú: Xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1987.

Địa chỉ cư trú: Xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 17/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn ngày 25/01/2010 tại UBND xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự

nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Chị S không tôn trọng anh, tự ý quyết định mọi việc trong gia đình mà không hề hỏi ý kiến anh và gia đình nhà chồng. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xẩy ra xích mích cãi cọ. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị S. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hà V, sinh ngày: 10/01/2012. Nếu được ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị S. Về tài sản chung và khoản nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 11/8/2017, bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2010 tại UBND xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì chị với anh D sang Hàn Quốc học tập và làm ăn, sinh sống. Trong quá trình ở nước ngoài anh D thường xuyên đánh đập chị. Sau khi sinh con chị cùng con trở về nước và sống tại gia đình nhà chồng. Đến ngày 10/7/2016 anh D về nước thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị phải rời khỏi nhà chồng đi tìm công việc để trang trải cuộc sống. Nay chị đã có công việc ổn định và đã đón con gái về sống cùng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh D để giải phóng cho nhau. Về con chung chị cũng xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hà V, sinh ngày: 10/01/2012. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và khoản nợ chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về thủ tục tố tụng*:* Do chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 25/01/2010, không vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng diễn ra ngày càng thường xuyên và ngày càng căng thẳng. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Anh D cương quyết xin được ly hôn với chị S. Còn chị S cũng đồng ý ly hôn với anh D.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đã thực sự thuận tình ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh D là được ly hôn với chị S.

[2]. *Về con chung:* Anh D và chị S thỏa thuận: Giao con chung tên là cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày: 10/01/2012 cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

Xét thấy: Hiện nay chị S đã có công việc và chỗ ở ổn định. Con gái cũng đang sống với mẹ. Nên cần giao cháu Nguyễn Hà V cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D.

[3]. *Về tài sản chung và khoản nợ:* Cả anh D và chị S đều không yêu cầu giải quyết nên Toà không xem xét.

[4]. *Về án phí:*Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị S.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị S: Giao con chung tên là Nguyễn Hà V, sinh ngày: 10/01/2012 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:*Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà anh D đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên

theo biên lai thu tiền số 0000377 ngày 23/5/2017. Anh D đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- Đương sự;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chị cục THADS huyện Hưng Nguyên;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh